TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuyễn

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Lê Bảo L, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Vũ T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-5-2017 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phạm Lê Bảo L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc Vũ T chung sống từ năm 2009, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu vào năm 2011. Sau khi cưới, anh chị sống chung với mẹ chồng tại ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh được khoảng 08 tháng, thì anh chị về sống chung với cha mẹ ruột chị tại khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu đi làm mà thường xuyên uống rượu, quậy phá gia đình và bỏ nhà đi đâu không rỏ vài ngày mới về nhà. Ngày 11-4-2017, anh T uống rượu về có đánh nhau với em ruột chị nên anh T bỏ về nhà mẹ chồng ở và vợ

chồng sống ly thân cho đến nay. Từ ngày sống ly thân, anh chị không gặp nhau để hàn gắn tình cảm hay bàn chuyện đoàn tụ gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 30-10-2009 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 02-9-2012, hiện 02 cháu sống với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 người con cho đến khi con thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống được. Ngoài ra vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 06-02-2017 nhưng cháu đã chết ngày 15-02-2017, nên chị vẫn còn đang nghỉ hậu sản chưa đi làm công nhân trở lại.

Về tài sản chung: Khi làm lễ cưới cha mẹ hai bên có cho vợ chồng vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 bộ vòng simen 2,5 chỉ vàng 18K, 01 cặp nhẫn cưới khoảng 05 phân vàng 18K, 01 dây chuyền 1,5 chỉ vàng 24K. Hiện nay vàng cưới không còn do anh chị đã bán. Ngoài ra, anh chị không còn tài sản chung nào khác, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng sống không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-6-2017 và qua hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Quốc Vũ T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân là đúng, còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh không đồng ý, theo anh nguyên nhân do anh có cải nhau với vợ và em vợ có đánh anh nên anh bỏ về nhà mẹ ruột ở từ ngày 11-4-2017 đến nay. Ngoài ra, anh có đi làm và không thường xuyên uống rượu như chị L trình bày. Anh có về nhà mẹ ruột chơi và có gọi điện thoại báo cho chị L biết. Anh chị sống ly thân từ ngày 11-4-2017 đến nay. Nay tuy tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị L đã kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như chị L trình bày là đúng, hiện 02 cháu đang sống với chị L. Anh không đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, đồng ý giao cháu T cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chung sống không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng là chị L, anh T đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đưa ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

- Về con chung: Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 30-10-2009 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 02-9-2012. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh T đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Phạm Lê Bảo L và anh Nguyễn Quốc Vũ T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị thường xuyên cải nhau, theo chị L nguyên nhân là do anh T không chịu đi làm mà thường xuyên uống rượu và bỏ nhà đi. Đến tháng 4-2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có cải nhau và anh T có đánh nhau với em ruột chị L nên anh T bỏ về nhà mẹ ruột ở, anh chị sống ly thân từ tháng 4-2017 đến nay. Theo anh T là do anh có cải vã với vợ và em vợ có đánh anh, nên anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2017. Nay anh vẫn còn thương vợ nhưng chị L kiên quyết ly hôn, nên anh đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 30-10-2009 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 02-9-2012, hiện hai con chung đang sống cùng với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 người con. Tại phiên tòa chị yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Còn anh T thì không đồng ý theo yêu cầu của chị L, anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, anh đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét thấy, nghề nghiệp của chị L là công nhân, có thu nhập ổn định nhưng hiện nay chị L còn đang trong thời kỳ nghỉ thai sản chưa đi làm lại. Và cả hai người con chung đều sống chung với chị L và được chị L chăm sóc từ khi được sinh ra cho đến nay. Qua xem xét nguyện vọng của cháu T muốn được sống với mẹ. Còn cháu H là nữ, còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ, nghĩ nên giao chị L được quyền nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu T và H là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L thấy rằng: mặc dù anh T hiện nay không có việc làm và không có thu nhập ổn định, nhưng chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho 02 người con mỗi tháng 700.000 đồng/01 người con là tương đương ½ tháng lương cơ bản hiện nay 1.300.000 đồng là thỏa đáng, nên cần buộc

anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu H 700.000 đồng/01 người con/01 tháng là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung và về nợ chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Anh T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Lê Bảo L và anh Nguyễn Quốc Vũ T. Chị L và anh T được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30-10-2009 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 02-9-2012. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000 đồng/tháng, 02 cháu 1.400.000 đồng/tháng, tính từ tháng 7-2017 cho đến khi các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0012147 ngày 22-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Linh nộp đủ tiền án phí.

Anh Trường chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể ngày từ chị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyễn Hồ Huy Cường Nguyễn Thị An